

NGHỆ THUẬT MIÊU TẢ TRONG TRUYỆN *CON CỐC LÀ CẬU ÔNG GIÒI* CỦA NGUYỄN HUY TƯỜNG

LÊ NHẬT KÝ

Khoa Giáo dục Tiểu học và Mầm non, Trường Đại học Quy Nhơn

TÓM TẮT

Miêu tả là một phương thức biểu đạt cơ bản, được Nguyễn Huy Tường sử dụng thành công trong truyện *Con Cốc là cậu ông Giỏi*. Truyện ngắn này vốn được sáng tác theo cách viết lại truyện cổ dân gian *Cóc kiện Trời*. Xuất phát từ nhiều lí do khác nhau, nhà văn đã nỗ lực vận dụng khả năng miêu tả để cho cảnh tượng hạn hán và hình ảnh đoàn quân đi đòi mưa hiện ra một cách cụ thể, sinh động. Nổi bật lên, đó là hình tượng nhân vật Cốc, tuy ngoại hình xấu xí nhưng là một thủ lĩnh thông minh, gan dạ, làm được việc lớn là buộc trời làm mưa cho hạ giới. Thành công của nghệ thuật miêu tả trong *Con Cốc là cậu ông Giỏi* còn là kết quả của việc sử dụng thường xuyên biện pháp nhân hóa, so sánh, điệp, và nhất là các từ láy giàu khả năng miêu tả và biểu cảm.

Từ khóa: Nguyễn Huy Tường, *Con Cốc là cậu ông Giỏi*, miêu tả, so sánh, từ láy.

ABSTRACT

The descriptive art in *Toad is the Uncle of Heaven* story of Nguyen Huy Tuong

Description is a basic way of expression that is successfully used by Nguyen Huy Tuong in the story *Toad is the Uncle of Heaven*. This short story is rewritten from a folk tales *Toad Sues Heaven*. Originating from many different reasons, the writer tries to use the ability to describe lively the scene of the drought and the image of the army asking for rain. The prominent character in the story is Toad. Although the Toad character's appearance is ugly, he's a smart and brave leader who is able to force the Heaven to give rain for the earth. The success of using description in *Toad is the Uncle of Heaven* story is also the result of frequently using personification, comparisons, reduplication measures, and especially alliteration that is rich in descriptive and expressive abilities.

Keywords: Nguyen Huy Tuong, *Toad is the Uncle of Heaven*, description, comparison, alliteration.

1. Mở đầu

Truyện *Con Cốc là cậu ông Giỏi* được nhà văn Nguyễn Huy Tường (1912 – 1960) hoàn thành vào năm 1956, trên cơ sở viết lại truyện dân gian *Cóc kiện Trời*. Nét nổi bật ở tác phẩm này chính là nghệ thuật miêu tả, đúng như nhận xét của nhà văn Phong Thu: “Các cảnh tượng, đặc tính của từng con vật – nhất là Cốc – được miêu tả đúng hoàn cảnh ấy, không lẫn vào nhau” [8, tr. 347]. Bài viết này sẽ tập trung phân tích các khía cạnh của nghệ thuật miêu tả của tác phẩm nhằm làm sáng tỏ tài năng văn chương của Nguyễn Huy Tường trong lĩnh vực truyện thiếu nhi, đồng thời giới thiệu nguồn “văn mẫu” hữu ích đối với hoạt động rèn luyện kỹ năng làm văn cho học sinh tiểu học.

*Email: lenhatky@gmail.com

Ngày nhận bài: 7/01/2019; Ngày nhận đăng: 7/3/2019

1.1. Cơ sở sử dụng nghệ thuật miêu tả trong *Con Cóc là cậu ông Giời*

Miêu tả trong *Con Cóc là cậu ông Giời* là kết quả hoạt động sáng tác có chủ định, xuất phát từ nhiều lí do khác nhau.

Trước hết, đó là từ mong muốn chủ quan của nhà văn. Sinh thời, Nguyễn Huy Tưởng gần như không có những phát ngôn thể hiện quan niệm viết cho thiếu nhi. Nhưng từ hồi ức của những người thân, những bạn văn, có thể thấy Nguyễn Huy Tưởng lúc nào cũng mong muốn đem đến cho các em những trang văn dồi dào hình ảnh về đất nước, con người trong sinh hoạt, lao động và chiến đấu. Vì thế, như Lê Huy Anh đã viết, nhà văn “không tiếc công vận dụng khả năng miêu tả của mình để cho nó hiển thị như những thước phim điện ảnh” [1, tr. 304].

Về khách quan, khi sáng tác *Con Cóc là cậu ông Giời*, Nguyễn Huy Tưởng bị chi phối bởi đặc trưng của kiểu loại “truyện cổ viết lại”, tức phải đạt được một số sáng tạo nghệ thuật nhất định, đem lại màu sắc hiện đại cho tác phẩm. Do giữ nguyên cốt truyện dân gian nên mọi sáng tạo của nhà văn tất sẽ dồn vào các yếu tố ngoài cốt truyện như miêu tả nhân vật, miêu tả thiên nhiên... [3, tr. 113].

Ngoài ra, phương thức tồn tại của tác phẩm cũng là một lí do cần được tính đến. Nếu truyện dân gian vận hành bằng con đường truyền khẩu, phụ thuộc chặt chẽ vào trí nhớ cộng đồng thì tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng lại được định hình trên trang sách, được bạn đọc thiếu nhi tiếp nhận một cách trực tiếp. Đặc điểm giao tiếp này cho phép nhà văn “rộng tay” hơn trong việc phát triển các yếu tố thi pháp dân gian mà bản thân hứng thú và cảm thấy có tác dụng gia tăng sức hấp dẫn cho tác phẩm.

1.2. Văn bản khảo sát

Về truyện *Con Cóc là cậu ông Trời*, chúng tôi chọn khảo sát bản in trong sách *Những truyện hay viết cho thiếu nhi – Nguyễn Huy Tưởng* (Nxb Kim Đồng, Hà Nội, 2013), là bản thể hiện đầy đủ nhất câu chữ “nguyên thủy” của nhà văn.

Về truyện *Cóc kiện Trời*, chúng tôi chọn bản in trong *Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam*, tập II, quyển 1 (Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007). Tuyển tập này do Viện Văn học tổ chức bản thảo, được đánh giá là công trình công phu, dù không tránh khỏi việc hiện đại hóa ít nhiều bởi người kể lại.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nhận diện yếu tố miêu tả trong *Con Cóc là cậu ông Giời*

Theo cách hiểu hiện hành, miêu tả là “dùng ngôn ngữ hoặc một phương tiện nghệ thuật nào đó làm cho người khác có thể hình dung được sự vật, sự việc hoặc thế giới nội tâm của con người” [9, tr. 632]. Từ quan niệm chung này, có thể hiểu, miêu tả trong văn chương là một phương thức biểu đạt đời sống theo hướng vừa chính xác, vừa sinh động thông qua phương tiện ngôn ngữ và một số biện pháp nghệ thuật cụ thể, như từ láy, thành ngữ, từ ghép chính phụ, nhân hóa, so sánh...

Dựa vào quan niệm trên, chúng tôi triển khai nhận diện yếu tố miêu tả trong truyện *Con Cóc là cậu ông Giời*. Kết quả khảo sát cho thấy yếu tố miêu tả xuất hiện nhiều, trải đều từ đầu cho đến cuối tác phẩm. Nhìn chung, các miêu tả của nhà văn thường ngắn gọn, phù hợp với tâm lí tiếp nhận văn chương của bạn đọc thiếu nhi.

2.1.1. Xét về nguồn gốc, miêu tả trong *Con Cóc là cậu ông Giời* gồm có **yếu tố dân gian** và **yếu tố mới**. Trong đó:

+ Yếu tố dân gian là yếu tố kế thừa, có sẵn trong *Cóc kiện Trời* được nhà văn tôn trọng và sử dụng. Nhóm này hiếm, chỉ liên quan về ngoại hình nhân vật Cóc. Khi tái sử dụng, Nguyễn Huy Tưởng không dùng lại từ láy “xù xì” (một chú Cóc da xù xì) mà thay bằng từ láy gần nghĩa là “sần sùi” và nhắc đi nhắc lại nhiều lần (da nó sần sùi);

+ Yếu tố mới là yếu tố do chính nhà văn sáng tạo ra. Nhóm yếu tố này chiếm tỉ lệ áp đảo, được nhà văn phát triển từ chính các yếu tố tự sự dân gian hoặc tự nghĩ ra. Ví dụ, khi nói về cảnh hạn hán, truyện dân gian chỉ gói gọn trong một câu [10], còn Nguyễn Huy Tưởng viết một đoạn dài tới 10 câu và có tới 5 câu miêu tả: “Ngày xưa, ngày xưa, thuở ấy thế gian chưa có người, mới chỉ có cỏ cây, chim muông và các giống thú. Cây cỏ đang xanh, chim muông đang bay lượn, ếch nhái đang nhảy nhót, thú dữ đang nghêu ng Hayden đi từng đàn từng lũ, thì giời ra tai một cơn hạn hán chưa từng có bao giờ. Cơn hạn hán ấy kéo hết tháng này đến tháng khác. Trên không, lúc nào cũng chỉ thấy mặt giời đỏ như cục than hồng, cháy rừng rực, rừng rực. Quả đất ngày cũng như đêm phừng phừng lửa. Ao chuôm sông ngòi bỗng cạn khô. Cây cỏ đang xanh bỗng cháy trụi. Chim muông đang bay lượn bỗng sa nhào xuống đất. Ếch nhái đang nhảy nhót bỗng chết khô cả trong ao. Thú dữ đang nghêu ng Hayden đi từng đàn từng lũ bỗng nằm lẫn cả trong rừng núi”. Như vậy, các hình ảnh “mặt giời đỏ như cục than hồng”, “đêm phừng phừng lửa” và các con vật “sa nhào”, “nằm lẫn” khi trời đổ lửa là sáng tạo mới của Nguyễn Huy Tưởng.

2.1.2. Xét về vị trí, câu văn miêu tả trong *Con Cóc là cậu ông Giời* được bố trí **đan xen trong cấu trúc đoạn văn tự sự** hoặc liên kết với nhau **lập thành một đoạn miêu tả riêng**:

+ Phổ biến nhất là hình thức tồn tại đan xen với câu văn tự sự, là một thành tố hữu cơ của đoạn văn tự sự, có chức năng thuyết minh, làm cho nội hàm lời kể trở nên phong phú và cụ thể hơn. Lấy ví dụ đoạn văn sau đây, chúng ta thấy câu miêu tả duy nhất nằm ở vị trí cuối cùng: “Một hôm, Cóc đi lên một ngọn núi cao, đá chảy ra vì nóng. Cả bọn bỗng lùi lại, vì trông thấy một con hổ vằn và một con gấu ngựa nằm phục ngang đường. Cóc cứ phát cò đi lên. Hổ và Gấu đang nằm rên sắp chết, vì nóng quá không thể lê đi kiếm ăn được. Thấy Cóc đi qua, Hổ và Gấu gầm gừ, mắt lim dim hé mở”. Chính nhờ có câu miêu tả này mà người đọc cảm nhận rõ hơn tình trạng khốn khổ của loài vật do hạn hán gây ra;

+ Bên cạnh việc đưa câu văn miêu tả vào trong cấu trúc đoạn văn tự sự, Nguyễn Huy Tưởng còn xây dựng một số đoạn văn miêu tả. Trong trường hợp này, ông sử dụng liên tục nhiều câu văn miêu tả để khắc họa cảnh vật hoặc nhân vật, chủ yếu nhân vật Cóc. Trong đoạn văn sau đây, miêu tả rõ ràng lẫn lượt tự sự: “Cóc giờ cao lá cò đi trước, da Cóc càng sần sùi. Miệng Cóc càng rộng. Mắt Cóc càng lồi. Ếch Nhái lại nhảy lao xao theo Cóc. Dọc đường chỉ thấy cỏ cây cháy sém, cây trơ trụi, xác chim, xác thú ngổn ngang. Cát bụi bay tung, nóng như lửa. Cóc cứ phát cò dẫn Ếch Nhái nhảy lồi thối lếch thếch trong bụi mù khét lẹt, ngạt thở”.

Cổ nhiên, dù được bố trí theo hình thức nào thì lời văn miêu tả vẫn là một thành tố trong cấu trúc chung của văn bản tự sự *Con Cóc là cậu ông Giời*. Nghĩa là, nó luôn kết hợp với yếu tố tự sự, giúp cho nội dung trần thuật hiện thị một cách sinh động và biểu cảm hơn.

2.2. Giá trị miêu tả trong Con Cóc là cậu ông Giời

Giá trị miêu tả trong *Con Cóc là cậu ông Giời* chính là hiệu quả khắc họa cảnh tượng hạn hán và nhân vật Cóc.

2.2.1. Trước hết, **“cảnh tượng hạn hán được miêu tả rõ ràng, như thật”** [8, tr. 347]. Nguyễn Huy Tưởng sử dụng khá nhiều câu văn, đoạn văn để tái hiện khung cảnh hạn hán. Trong bức tranh ấy, người đọc bắt gặp hình ảnh “mặt giời đỏ như cục than hồng, cháy rừng rực, rừng rực” và “quả đất ngày cũng như đêm phừng phừng lửa”. Giữa không gian “mênh mông bao la đỏ chói” một sắc màu chết chóc như thế, cỏ cây và loài vật hiện ra thật thê thảm: “cây cỏ đang xanh bỗng cháy trụi”, “thú dữ đang nghe nghe đi từng đàn từng lũ bỗng nằm lăn cả trong rừng núi”... Theo diễn tiến của mạch truyện, tác giả tiếp tục khắc sâu ấn tượng cho người đọc bằng hình ảnh “xác chim, xác thú ngổ ngang” mà Cóc bắt gặp trên đường đi đòi mưa. Đó còn là hình ảnh “Ếch Nhái khóc nhé nhé, mặt mũi, da dẻ xanh lợt, nhợt nhạt”, hay “Gà phều phào” và Hổ, Gấu thì “mắt lim dim hé mở” đầy tuyệt vọng. Những hình ảnh kể trên là phù hợp, giúp trẻ em mở rộng hiểu biết về hậu quả mà hạn hán gây ra cho muôn loài. Những câu văn miêu tả của Nguyễn Huy Tưởng chẳng khác nào nét vẽ của người nghệ sĩ tài hoa điểm tô bức tranh khiến cho tất cả trở nên sống động và thật ấn tượng.

Giá trị của miêu tả cảnh tượng hạn hán ngoài ý nghĩa tái hiện hiện thực, khơi động cảm hứng còn tạo ra nền cảnh phục vụ yêu cầu xây dựng hình tượng nhân vật Cóc. Bởi chính từ tình huống đại hạn, giữa bối cảnh muôn loài thập tử nhất sinh, buông xuôi bất lực thì Cóc xuất hiện, quyết “lên hỏi giời sao không mưa, sợ gì”.

2.2.2. Nội dung miêu tả chủ yếu trong *Con Cóc là cậu ông Giời* là **khắc họa chân dung nhân vật Cóc**. Theo đó, nhân vật Cóc được miêu tả cả về ngoại hình lẫn phẩm chất. Về ngoại hình, rất nhiều lần nhà văn nói đến “cái lưng sần sùi”, “đôi mắt lồi”, “miệng rộng” và dáng “ngồi chồm chồm”. Nhà văn thừa nhận những đặc điểm tự nhiên này khiến cho loài Cóc có vẻ ngoài “không được đẹp mắt cho lắm”, rất dễ bị coi khinh. Trung thành với dân gian, nhà văn không khơi sâu vào điều đó để tạo nên một câu chuyện lâm li về nỗi bất hạnh mà tập trung ngợi ca Cóc trong việc biết tập hợp sức mạnh để đòi mưa thắng lợi. Ngay từ đầu truyện, Nguyễn Huy Tưởng đã cho các em thấy Cóc là một con vật đặc biệt, biết phản ứng tích cực khi đối diện với tình trạng hạn hán ngay một khủng khiếp. Trong khi các con vật khác “khóc nhé nhé”, “sợ hãi, nhón nháo” thì Cóc vẫn bình tĩnh “nhìn ra ngoài hang” quan sát, “mở to đôi mắt lồi nhìn trừng trừng lên giời”, đồng thời nghĩ ngay đến việc phải đi đòi mưa: “Không nuốt được giời thì lên hỏi giời sao không mưa, sợ gì”. Trong câu văn trên, hai tiếng “sợ gì” được Nguyễn Huy Tưởng sử dụng rất đặc địa. Nó có giá trị của “nhân tự”, làm toát lên được bản lĩnh của Cóc, tiên báo về những hành động logic kế tiếp của nhân vật. Quả vậy, Cóc đã không dừng lại ở ý nghĩ mà lập tức “gọi họ hàng Ếch Nhái còn sống sót tới để bàn chuyện”. Bằng một thái độ kiên quyết “Giời hỏi đâu tôi nói đấy, tôi đâu tôi chịu đấy”, Cóc đã thuyết phục được đám Ếch Nhái “bọt tái nước da” vì sợ hãi. Tài năng của Cóc lần lượt được nhà văn miêu tả qua việc thuyết phục Gà, Ong, Hổ và Gấu. Với mỗi đối tượng, nhà văn viết thành một đoạn văn đối thoại dài; trong đó thường nhắc đi nhắc lại câu văn tả hình ảnh Cóc “giương to mắt lồi, há cái miệng rộng, giò lá cờ vẫy...” đầy tự tin, rõ ràng một thủ lĩnh oai phong.

Khi miêu tả nhân vật Cóc, Nguyễn Huy Tưởng thường hay lặp lại những câu, đoạn nói về việc Cóc cầm lá cờ tiên phong dẫn lối đoàn quân, ví như: “Giời nóng bỏng. Cóc cầm một cái lá

làm cờ, đi trước. Da Cóc phồng giộp, sần sùi thêm lên. Éch Nhái kêu oai oái, bàn tay, bàn chân cháy sém. Có anh nằm liệt trên đường, có anh nhảy chúi vào hốc ả”; “Cóc vẩy cao lá cờ, chỉ lên giời đỏ rực, rồi hắt hàm hỏi hai con thú dữ một lần thứ hai. Cóc nghiêng hai hàm răng rộng, giời đất như rung chuyển”... Với hình ảnh lá cờ, Nguyễn Huy Tưởng đã đạt được một sáng tạo độc đáo, đem lại nhiều thích thú cho các em. Bởi như ý kiến Nguyễn Trác, đối với các em, “đã có đoàn đi là phải có cờ dẫn đầu” [6, tr.213].

2.3. Các biện pháp và phương tiện miêu tả trong *Con Cóc là cậu ông Giời*

2.3.1. Trong tác phẩm, có khá nhiều biện pháp tu từ được nhà văn sử dụng vào mục đích miêu tả, gồm: **nhân hóa**, **so sánh**, **điệp** và **đối lập**. Mức độ sử dụng và giá trị nghệ thuật của từng biện pháp ít nhiều có khác nhau. Dưới đây, chúng tôi sẽ mô tả và đánh giá từng trường hợp cụ thể.

- Biện pháp nhân hóa: *Con Cóc là cậu ông Giời* được viết theo thể văn đồng thoại. Vì thế, biện pháp nhân hóa sẽ giữ vai trò chủ đạo trong việc xây dựng nhân vật loài vật, nhất là nhân vật Cóc. Theo nguyên tắc thể loại, trong khi gán cho loài vật một số đường nét tính cách, tình cảm của con người, nhà văn vẫn tôn trọng bảo lưu những đặc điểm tự nhiên của đối tượng. Bởi vậy, tác giả tả Ong mật thì tiếng kêu “vo ve”, kiếm ăn là “tìm hoa hút nhí”; tả Hổ thì “gầm gừ”, “nhe nanh, giương vuốt, gầm lên một tiếng”... Đó là sự chính xác mà bất cứ người viết đồng thoại nào cũng cần đạt được trước khi dịch chuyển hình tượng từ trường tự nhiên sang trường xã hội bằng biện pháp nhân hóa.

Thể hiện điều này rõ nhất trong *Con Cóc là cậu ông Giời* chính là hình tượng nhân vật Cóc. Như đã phân tích ở trên, Cóc được Nguyễn Huy Tưởng xây dựng thành nhân vật thủ lĩnh, chỉ huy một đội quân có nề nếp kỉ luật. Với đặc điểm như vậy, Cóc cần được gán cho các phẩm chất thủ lĩnh, từ suy nghĩ cho đến hành động. Theo truyện, người đọc sẽ bắt gặp các miêu tả bên trong, lộ diện thế giới nội tâm của nhân vật: “Cóc giận Giời lắm”, “Cóc ngồi chồm chồm nghĩ một mình”. Đặc biệt, miêu tả tập trung vào các biểu hiện bên ngoài, gắn với hành động và lời ăn tiếng nói của Cóc. Rõ ràng, cái lí lẽ: “Giời làm hạn thì bé, mình đòi mưa thì to”, cái triết lí: “Giời cao đi mãi cũng tới”, hay cách bài binh bố trận, cách đối đáp với Giời... cho thấy Cóc là hình ảnh ẩn dụ về những thủ lĩnh tài ba theo quan niệm dân gian cổ xưa. Nói cách khác, Cóc là hình tượng người anh hùng văn hóa buổi khai thiên lập địa mà cư dân nông nghiệp đề cao, sùng bái.

Nghệ thuật nhân hóa trong *Con Cóc là cậu ông Giời* là sự tiếp nối dân gian trên tinh thần đổi mới. Do đó, nhân vật thủ lĩnh Cóc trở nên tròn vẹn, gần gũi và đáng yêu hơn trong mắt trẻ em thời hiện đại.

- Biện pháp so sánh: Biện pháp này chỉ được sử dụng bốn lần, trong các trường hợp cụ thể sau: “Trên không, lúc nào cũng chỉ thấy mặt giời đỏ như cục than hồng”, “Quả đất ngày cũng như đêm phùng phùng lửa”, “Cóc nghiêng hai hàm răng rộng, giời đất như rung chuyển” và “Tiếng quát như sấm sét”. Cả bốn trường hợp trên, tác giả đều dùng từ “như” và cái được so sánh cụ thể, dễ hiểu. Hai so sánh đầu đều cùng nói về tính chất khủng khiếp của hạn hán, thể hiện ở mức độ nóng và tính chất kéo dài, bất biến. Hai so sánh sau có tính chất khoa trương, nhấn mạnh đến sức mạnh, uy lực của Cóc thủ lĩnh cũng như Thiên lôi lúc xuất trận.

- Biện pháp điệp (lặp): Trong *Con Cóc là cậu ông Giời*, biện pháp điệp được Nguyễn Huy Tưởng sử dụng nhiều lần và theo những mục đích khác nhau. Ở đây, chúng tôi chỉ nói tới biểu hiện về lặp các yếu tố miêu tả.

Điệp trong *Con Cóc là cậu ông Giời* bao gồm điệp từ ngữ, hình ảnh và tình huống. Về từ ngữ, thể hiện rõ nhất là lặp các từ láy tượng thanh (ầm ầm – 3 lần, vo vo: 5 lần), tượng hình (chồm chồm – 3 lần, nhảy nhót: 4 lần, sần sùi: 4 lần,...). Về hình ảnh, nổi bật là hình ảnh Cóc cầm cờ với hai biểu hiện “phất cờ” (thúc các con vật lên trời) và “giơ cao lá cờ” (chỉ huy các con vật chiến đấu chống lại thiên binh, thiên tướng nhà trời). Tổng cộng, hình ảnh này được lặp tới 7 lần, khắc sâu vẽ đẹp hình ảnh thủ lĩnh Cóc và đoàn quân đi đòi mưa là chính đáng, chính nghĩa. Tình huống cũng là một yếu tố được Nguyễn Huy Tưởng chủ trương lặp lại nhiều lần. Đó là việc Cóc lần lượt gặp và thuyết phục các con vật khác nhưẾch Nhái, Ong, Gà, Gấu và Hổ cùng đi đòi mưa. Mỗi lần như vậy được nhà văn viết thành một đoạn với lời dẫn, đối thoại tương tự. Nhờ đó, câu văn tả, yếu tố miêu tả tiếp tục xuất hiện, vừa làm rõ thêm tình cảnh hạn hán, vừa khắc sâu tài năng thu phục các con vật khác của Cóc. Trong trường hợp này, việc lặp lại tình huống đã đáp ứng được cùng lúc hai yêu cầu tự sự và miêu tả, cốt truyện cũng theo đó mà giãn nở, bạn đọc cũng dễ dàng ghi nhớ nội dung câu chuyện hơn.

- Biện pháp đối lập: Biện pháp này cũng được Nguyễn Huy Tưởng sử dụng khá thường xuyên, tạo ra hiệu quả miêu tả rõ rệt.

Trước hết, biện pháp đối lập được sử dụng vào việc miêu tả cảnh tượng hạn hán. Ngay trong đoạn văn đầu tác phẩm – “Các cụ ta kể rằng: Ngày xưa ngày xưa... trong rừng trong núi” – Nguyễn Huy Tưởng đã khéo léo tạo ra sự trùng điệp đối lập giữa các câu với nhau (câu 2 với các câu 7, 8, 9 và 10), và giữa nội bộ từng câu (6, 7, 8, 9 và 10). Cụ thể, các câu cuối đoạn nhắc lại ý câu 2, đặt làm vế đối lập với vế câu còn lại, được ngăn cách bởi từ “bỗng” – kiểu như: “Chim muông đang bay lượn bỗng sa nhào xuống đất”. Đối lập này có tác dụng khắc sâu chủ đề của đoạn: hạn hán là một tai họa khủng khiếp đối với muôn loài. Thật thú vị khi kết nối đoạn văn này với đoạn văn cuối truyện sau đây, chúng ta lại thấy vai trò của nghệ thuật đối lập: “Khi về đến trần gian, thì Cóc đã thấy sông ngòi đầy nước, cây cỏ tốt tươi, chim chóc bay cao, các giống thú nhễ nhệ đi từng đàn, từng lũ...”. Đối lập này có tác dụng giúp các em thấy được ý nghĩa to lớn của mưa đối với cuộc sống của muôn loài.

Hiệu quả của biện pháp đối lập thể hiện rõ qua việc khắc họa hình tượng nhân vật Cóc. Nhà văn đã đặt Cóc trong nhiều mối quan hệ khác nhau – với các con vật ở hạ giới và với nhà trời. Trong các mối quan hệ ấy, Cóc nổi bật lên là một nhân vật đáng trọng, đúng như thừa nhận của Hổ và Gấu: “Tao có khinh Cóc thật. Bây giờ thì tao biết rồi. Cóc bé nhưng có gan to”. Biểu hiện ra, về mặt miêu tả, đó là Cóc mạnh mẽ, còn Gà thì “pheu phào”, Ong “kêu khóc thảm thiết”, Hổ và Gấu thì “lim dim”, “nằm rên sắp chết”. Ở thiên đình, hình ảnh Cóc cũng hiện ra đẹp đẽ khi Cóc “nói đồng đạc”, còn Giời thì lo sợ, “hoàn hồn” khi biết Cóc không có ý giết mình.

Bên cạnh đối lập giữa các đối tượng, Nguyễn Huy Tưởng còn xây dựng các tương phản ngay trong bản thân một số nhân vật. Thể hiện rõ nhất điều này là các nhân vật thiên binh, thiên tướng nhà trời. Các nhân vật này lúc mới xung trận rất oai phong, nhưng khi lâm trận thì thật thảm hại. Ví như Thiên lôi, ban đầu là hình ảnh một vị tướng oai phong lẫm liệt có “tiếng quát như sấm sét, mắt chớp loang loáng, cả đền Hổ cũng lùi lại vì gió đánh bạt đi”. Vậy mà, khi đàn Ong bay sả vào đốt đã nhanh chóng thành bại tướng, “tối tăm mặt mũi, không kịp làm ra sấm sét, cười gió chạy vào trong thành”. Những đối lập như trên sẽ tạo ra chất hài cho tác phẩm, điều mà trẻ em rất thích thú.

Các biện pháp nghệ thuật kể trên thường được sử dụng phối hợp linh hoạt với nhau, đảm bảo để các nguồn lực từ vụng phát huy hiệu quả biểu đạt, góp phần vào thành công chung của tác phẩm.

2.3.2. Nghệ thuật miêu tả trong văn chương là nghệ thuật sử dụng **phương tiện ngôn ngữ** vào việc tái hiện các sự việc, nhân vật một cách chi tiết và sinh động. Theo đó, nhà văn tất phải chú tâm khai thác các từ ngữ có khả năng miêu tả, giàu tính tạo hình và biểu cảm. Đó thường là các tính từ, động từ, từ ghép chính phụ, thành ngữ và các từ láy tượng thanh, tượng hình. Trong *Con Cóc là cậu ông Giời*, Nguyễn Huy Tường khai thác nhiều nguồn lực từ vụng khác nhau. Song, nổi bật hơn cả, giá trị hơn cả chính là nghệ thuật sử dụng từ láy, đem sự khác biệt rõ rệt giữa đồng thoại Nguyễn Huy Tường so với truyện kể dân gian *Cóc kiện Trời*.

Thống kê cho thấy, *Con Cóc là cậu ông Giời* sử dụng 55 từ láy với 90 lượt dùng. Các từ láy xuất hiện từ đầu cho đến cuối tác phẩm, 17 từ được lặp từ 2 đến 5 lần. Với mật độ từ láy như vậy, tính liên kết giữa các đoạn, câu văn của tác phẩm càng thêm chặt chẽ.

Nguyễn Huy Tường chủ yếu sử dụng các từ láy đôi, quen thuộc với hiểu biết chung của nhiều người. Ông không cố ý phô diễn kỹ thuật kiến tạo từ láy như vẫn thường thấy ở một số nhà văn trước hoặc cùng thời, kiểu như: hồm hồm hom, mồm mồm, kheo kheo... Nhưng điều đó không có nghĩa là ông không tìm cách tạo dấu ấn cá nhân về phương diện ngôn từ. Trong tổ hợp sau, rõ ràng có sự kết hợp táo bạo giữa động từ (khóc) và tính từ (nhếch nhác): “Ếch Nhái khóc nhếch nhác”. Hay khi ông lược bỏ dấu phẩy giữa hai từ láy liền kề đã “vô tình” tạo nên kiểu từ láy tư tạm thời (lôi thôi lếch thếch) có tác dụng tăng cường ý nghĩa biểu đạt của câu văn (Ếch Nhái nhảy lôi thôi lếch thếch).

Từ láy, trong nhiều trường hợp, thực hiện đồng thời cả hai chức năng biểu đạt và biểu cảm. Điều này khiến cho đồng thoại Nguyễn Huy Tường không còn giữ được vẻ khách quan, trung tính như truyện kể dân gian mà nó là sản phẩm của người kể chuyện không chút giấu giếm lòng yêu mến, đề cao nhân vật Cóc. Thế nên, toàn bộ nội dung tác phẩm sẽ không ngoài nhiệm vụ tái hiện hình ảnh “Cóc ngồi chồm chồm, chống hai tay trước mắt, hai hàm rộng nghiến vào nhau, đôi mắt oai nhìn thẳng lên giời”. Nói cách khác, “Cóc rất oai” là hình ảnh trung tâm của cảm hứng Nguyễn Huy Tường trong câu chuyện này.

3. Kết luận

3.1. Miêu tả trong *Con Cóc là cậu ông Giời* là một sáng tạo quan trọng của nhà văn Nguyễn Huy Tường, xuất phát từ nhiều lí do khác nhau, cả về chủ quan lẫn khách quan. Về nội dung, nhà văn hướng vào hai đối tượng miêu tả cơ bản là cảnh vật và loài vật giữa những ngày đại hạn. Trong đó, mỗi quan tâm chủ yếu của Nguyễn Huy Tường chính là khắc họa hình ảnh nhân vật Cóc xấu xí mà tài ba, dám đối đầu với thử thách, chỉ huy đội quân đi đòi mưa thẳng lợi. Về nghệ thuật, Nguyễn Huy Tường sử dụng linh hoạt các từ ngữ miêu tả, chú trọng điệp câu, điệp đoạn, liên kết các yếu tố thi pháp theo hướng quan hệ thừa tiếp nhằm gia tăng ý nghĩa và sự vang vọng của âm hưởng câu văn trùng điệp. Có thể khẳng định, *Con Cóc là cậu ông Giời* là một đồng thoại thành công về phương diện miêu tả. Tác phẩm là một tài liệu tham khảo tốt cho bất cứ ai quan tâm về nghệ thuật miêu tả loài vật và cảnh vật, nhất là miêu tả loài vật.

3.2. Do đó, có thể đúc kết thành một số bài học kinh nghiệm về miêu tả loài vật, vận dụng vào dạy học làm văn trong nhà trường tiểu học. *Trước hết*, phải dựa vào chủ đề để xác định đối tượng miêu tả. Khi miêu tả, người viết phải tập trung bút lực để làm nổi bật hình tượng trung tâm, tránh lan man dẫn tới làm tan loãng chủ đề và hình ảnh nhân vật chính. *Thứ hai*, miêu tả nhất thiết phải kết hợp với tự sự. Bởi một khi kể và tả đạt được hài hòa thì chân dung nhân vật, bức tranh đời sống sẽ hiện ra trước mắt người đọc một cách trọn vẹn, có thần, có hồn, sinh động và hấp dẫn. *Thứ ba*, người viết vẫn tất phải tích lũy vốn từ ngữ miêu tả một cách phong phú, phải thuần thục sử dụng các biện pháp cơ bản như nhân hóa, so sánh, lặp... Khi vốn từ ngữ phong phú, lời văn tất sẽ có được sự tự nhiên, trôi chảy, khả năng chinh phục bạn đọc sẽ tốt hơn. *Cuối cùng*, người viết cần xuất phát từ nhiều góc nhìn khác nhau để vừa làm rõ đặc điểm đối tượng miêu tả, vừa tránh được sự đơn điệu nhàm chán. Với mỗi bài học như vậy, chúng ta dễ dàng chọn được mẫu từ tác phẩm của Nguyễn Huy Tưởng. Do đó, việc đưa *Con Cóc là cậu ông Giời* vào nguồn tư liệu văn mẫu phục vụ hoạt động dạy học làm văn miêu tả loài vật ở tiểu học là hoàn toàn đúng đắn, cần được ủng hộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Huy Anh, “Truyện Tim mẹ”, *Nguyễn Huy Tưởng khát vọng một đời văn*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr.298 – 307, (2001).
2. Tô Hoài, “Truyện viết cho thiếu nhi của Nguyễn Huy Tưởng”, *Nguyễn Huy Tưởng khát vọng một đời văn*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr.275 – 278, (2001).
3. Châu Minh Hùng – Lê Nhật Ký, *Hệ thống thể loại trong văn học thiếu nhi*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, (2009).
4. Hà Quang Năng, *Dạy và học từ lấy ở trường phổ thông*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, (2005).
5. Trần Đức Ngôn – Dương Thu Hương, *Giáo trình văn học thiếu nhi Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, (1998).
6. Nhiều tác giả, *Văn học Việt Nam 1945 – 1975*, tập II, Nxb Giáo dục, Hà Nội, (1990).
7. Nhiều tác giả, *Văn miêu tả và kể chuyện* (tái bản), Nxb Giáo dục, Hà Nội, (1998).
8. Phong Thu, *Tuyển tập truyện viết cho thiếu nhi từ sau Cách mạng tháng Tám*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, (1999).
9. Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng – Trung tâm từ điển học, Đà Nẵng, (2001).
10. Viện Văn học, *Tuyển tập văn học dân gian Việt Nam*, tập II, quyển 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội, (2007).